TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HS-ST
Ngày: 16- 8- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Vân.

2. Bà Đào Ngọc Bích.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân Quận B, Thành phố C xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 58/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Phong A, sinh ngày 06/12/1994 tại Thành phố C; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 269/23 Vĩnh Viễn, Phường 5, Quận B, Thành phố C; Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình H (sinh năm 1964) và bà Lâm Kim P (sinh năm 1960); Hoàn cảnh gia đình: Chưa vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/3/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Đình H, sinh năm 1964; Địa chỉ: 75/109 Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, quận T, Thành phố C (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Phan Văn Bảy, sinh năm 1958; Địa chỉ: 205/70 Trần Văn Đang, Phường 11, Quận D, Thành phố C (vắng mặt).

2/ Anh Đinh Mai Huy Tiến, sinh năm 1982; Địa chỉ 578/63 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận T, Thành phố C. (vắng mặt)

3/ Anh Giang Thành Trung, sinh năm 1995; Địa chỉ: 16 Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận B, Thành phố C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 35 At ngày 29/3/2018, Công an Phường 12, Quận B, Thành phố C nhận được tin báo Lê Phong A có hành vi đánh điều dưỡng viên là anh Dương Quốc Minh tại Bệnh viện 115, số 527 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận B. Công an Phường 12, Quận B đã mời A đến phòng bảo vệ bệnh viện để làm việc. Qua kiểm tra, Công an Phường 12, Quận B phát hiện trong túi xách của A đang đeo trên người có 13 gói nylon, bên trong chứa tinh thể rắn không màu. Công an Phường 12, Quận B đã lập biên bản bắt người phạm tội quản tang và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều Công an Quận B, Lê Phong A khai nhận như sau: Số ma túy trên, A nhặt tại công viên chung cư Kim Hồng, trên đường Vườn Lài, quận T. Mục đích A cất giữ ma túy để sử dụng.

Đối với việc A có hành vi gây thương tích cho anh Dương Quốc Minh, ngày 29/3/2018, anh Minh có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và từ chối giám định thương tích. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Phong A về hành vi cố ý gây thương tích.

Vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong, bên trong có 13 gói nylon chứa tinh thể không màu, theo Kết luận giám định số 667/KLGĐ-H ngày 06/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố C: tinh thể không màu trong 13 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Phong A, các chữ ký ghi tên Nguyễn Quang Minh (Điều tra viên), Giang Thành Trung (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 12, Quận B là ma túy ở thể rắn có khối lượng 3,1197g, loại Methamphetamine.

- 01 túi xách màu đen có in chữ GUCCI.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao: 0898132911.

- 01 chiếc xe môtô biển số 59D1-99061. Qua xác minh được biết chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Đình H (cha ruột của A). Ngày 29/3/2018, ông H giao chiếc xe cho A Mượn sử dụng. Việc A sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội, ông H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B trả lại tài sản cho ông H là có cơ sở.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 19/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố C đã truy tố bị cáo Lê Phong A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù. Phạt tiền 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ và 1 túi xách màu đen thu giữ của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: khoảng 21 giờ 35 phút, Lê Phong A đã có hành vi tàng trữ 13 gói ma túy đá trọng lượng 3,1197 gram ma túy tổng hợp được cất bên trong túi xách đang đeo trên người tại Bệnh viện 115, số 527 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận B, Thành phố C thì bị bắt quả tang cùng tang vật.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, bản kết luận giám định và các tài liệu cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Phong A đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Ma túy là một tệ nạn xã hội nguy hiểm, không những hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguồn gốc phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, biết rất rõ tác hại của ma túy đối với đời sống xã hội nói chung và bản thân bị cáo nói riêng, song do nghiện ma túy nên vẫn cố tình tàng trữ 3,1197 gram ma túy tổng hợp (qua giám định là Methamphetamine) để sử dụng cho bản thân. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, cần phạt tiền bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 13 gói nylon chứa tinh thể không màu, thu giữ của Lê Phong A, là công cụ vật cấm tàng trữ lưu hành, không sử dụng được, cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 túi xách màu đen có in chữ GUCCI, không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao: 0898132911 thu giữ của bị cáo và 01 xe môtô biển số 59D1-990.61, số khung: RLHHC1210DY571890, số máy: HC12E-5571973 do ông Lê Đình H là chủ sở hữu hợp pháp, việc Lê Phong A sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội ông H không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B trả lại các tài sản cho chủ sở hữu là đúng theo quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Phong A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo: Lê Phong A 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2018.

Phạt tiền bị cáo Lê Phong A 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong, bên trong chứa tinh thể không màu có khối lượng 3,0105g và 01 túi xách màu đen có in chữ GUCCI (theo Lệnh xuất kho vật chứng ngày 25/6/2018 của Công an Quận B, Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B).

3. Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp.C;
- VKSND Tp.C;
- VKSND Q.B;
- Sở Tư pháp Tp.C;
- Công an Quận B, PC 35;
- Chi cục THADS Quận B;
- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Kim Khánh